

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2256/SXD-QHKT ngày 18/7/2023; Công văn số 2597/SXD-QHKT ngày 21/8/2023.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định toàn diện, cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm quán triệt và chỉ đạo các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đảm bảo phù hợp với năng lực để tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Chương trình hành động số 42-CTr/TU.

2. Yêu cầu

a) Yêu cầu triển khai đầy đủ, nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, kiểm soát và giảm mức độ ô nhiễm trong đầu tư xây dựng, nâng cấp và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, cập nhật xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch này, từng bước nâng cao chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ môi trường; hạn chế, giảm thiểu rủi ro trong xây dựng, phát triển đô thị theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Phân đầu đạt các mục tiêu cụ thể:

a) Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt tối thiểu 42%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,8-2,0% vào năm 2025 và đến năm 2030 đạt khoảng 2,0-2,3%.

b) Số lượng đô thị toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 18 đô thị, đến năm 2030 khoảng 22 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch chung, phủ kín quy hoạch phân khu (đối với các đô thị theo quy định phải lập quy hoạch phân khu), chương trình cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị.

c) Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 22-24% vào năm 2025 và 24-26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6-8m² vào năm 2025, khoảng 8-10m² vào năm 2030.

d) Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 30m² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32m².

đ) Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị; phủ cập dịch vụ mạng di động 4G phủ sóng 100% diện tích toàn tỉnh; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%; phủ cập dịch vụ mạng di động 5G; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 95%. Xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp tỉnh và cấp vùng kết nối với các đô thị trong cả nước và tỷ lệ đô thị được công nhận đạt tiêu chí đô thị thông minh đạt 45% vào năm 2030.

e) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trung tâm của các vùng động lực đạt bình quân 25% vào năm 2025, đạt bình quân 35% vào năm 2030.

f) Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hóa đạt 60-65%.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh

trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thường xuyên, định kỳ tổ chức các hình thức tuyên truyền phổ biến và đánh giá việc triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cũng như các Chương trình khác liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững: Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc

- Nội dung thực hiện: Đến năm 2025, hoàn thành việc rà soát, phủ kín quy hoạch chung tại các đô thị hiện có và đô thị mới; thành phố Đồng Xoài, các thị xã: Chơn Thành, Bình Long, Phước Long phủ kín 100% quy hoạch phân khu; phần đầu 7/11 đô thị có quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến năm 2030, 100% đô thị có quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan.

3. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển đô thị từng đô thị

* Nội dung thực hiện:

- Đến năm 2025, hoàn thành việc điều chỉnh chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị từng đô thị theo tiến độ quy hoạch chung đô thị được duyệt. Các đô thị nằm trong danh mục nâng loại đô thị giai đoạn 2021-2030 phải được phê duyệt chương trình phát triển đô thị mới được công nhận đô thị.

* Cơ quan thực hiện:

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành việc điều chỉnh chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị của từng đô thị.

b) Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị

* Nội dung thực hiện:

- Phát triển các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các đô thị tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch đô thị, quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị và tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Phần đầu đến năm 2025 tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 22-24% và năm 2030 đạt khoảng 24-26%.



Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6-8m² vào năm 2025, khoảng 8-10m² vào năm 2030.

- Ưu tiên thực hiện các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: cây xanh đô thị, giao thông đô thị, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị. Xây dựng các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung đảm bảo khả năng kiểm soát, xử lý ô nhiễm và an toàn chất lượng.

- Hoàn thiện hệ thống giám sát trung tâm để tiếp nhận dữ liệu từ hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị và tổ chức hoạt động quan trắc theo mạng lưới quan trắc môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về môi trường, xác định kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách của tỉnh.

* Cơ quan thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

c) Cải tạo, chỉnh trang các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên (thành phố Đồng Xoài)

* Nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện tiêu chuẩn phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng, nhất là về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị: Khẩn trương lập Chương trình phát triển đô thị, tiến hành đánh giá số liệu hiện trạng đạt được so với tiêu chí phân loại đô thị, từ đó đặt ra mục tiêu phấn đấu cho từng tiêu chí, lĩnh vực theo định hướng phát triển chung của đô thị. Riêng đối với lĩnh vực giao thông và giáo dục, tập trung nguồn vốn, kêu gọi xã hội hóa đầu tư hệ thống giao thông khung đô thị và các cơ sở vật chất cho các cấp trường học, song song nâng cao trình độ chuyên môn giáo viên; trong công tác lập các đồ án quy hoạch đô thị ưu tiên phát triển quỹ đất công cộng đô thị, đặc biệt là đất giáo dục, công trình văn hóa.

- Đến năm 2030, cơ bản giảm thiểu tình trạng ngập úng, nâng cao năng lực thông hành chống ách tắc giao thông: Đầu tư cải tạo, xây dựng hoàn thành hệ thống suối Đồng Tiền, suối Tầm Vông, suối Đá, suối Rinh, suối Rạt đảm bảo các hướng thoát nước chính cho đô thị, bên cạnh đó xây dựng hệ thống công thoát nước mưa theo các tuyến giao thông đô thị đã được quy hoạch, đảm bảo đầu nối đồng bộ dẫn thoát nước ra các suối, hồ. Ưu tiên phát triển hệ thống đường giao thông kết nối liên huyện, đường tránh đô thị và hệ thống đường khung đô thị.

- Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư ven kênh rạch gắn với tái định cư: Tổ chức lập các đồ án quy hoạch cải tạo chỉnh trang hoặc đồ án thiết kế đô thị dọc các suối Đồng Tiền, suối Tầm Vông, suối Đá, suối Rinh. Từ đó làm cơ sở quản lý, tiến hành cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư ven các suối. Trong quá trình tổ chức lập quy hoạch, căn cứ nhu cầu cụ thể của dự án, lựa chọn các vị trí đất thích hợp để tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hình thành mới các trục không gian cảnh quan kiến trúc đặc thù của đô thị: Quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống các đập bậc thang hồ Suối Cam tạo trục cảnh

quan xuyên suốt từ đập 01 hiện hữu đến sông Bé. Mở rộng các trục giao thông dọc bờ hồ, định hướng phát triển thành các trục thương mại dịch vụ, văn hóa, tùy theo tính chất của từng đoạn mà quy định hình thức kiến trúc cho phù hợp.

- Lập quy hoạch phân khu Khu đô thị Suối Cam, thành phố Đồng Xoài theo hướng hiện đại, thông minh, đồng bộ, hài hoà, thống nhất về kiến trúc đô thị đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV thông qua tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 13/6/2023.

- Bảo tồn tôn tạo khu vực công trình kiến trúc có giá trị: Tổ chức lập Danh mục công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, từ đó làm cơ sở lập kế hoạch, quy hoạch, dự án đầu tư nhằm bảo tồn tôn tạo khu vực xung quanh công trình.

- Phát triển các không gian công cộng đô thị: Ưu tiên phát triển các không gian xanh, không gian mở, không gian công cộng ven hệ thống các hồ suối Cam, suối Đá, Suối Rạt, Suối Đồng Tiền, hồ Phước Hòa và sông Bé. Quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo tổ chức hệ thống không gian xanh, không gian mở cấp đô thị có bán kính phục vụ từ 1-1,5km. Kết hợp với các không gian công cộng, công viên, tiểu cảnh, mặt nước trong các khu ở để đảm bảo nhu cầu phục vụ dân cư trong vòng bán kính khoảng 500m.

* Cơ quan thực hiện: UBND thành phố Đồng Xoài chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan.

d) Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng

* Nội dung thực hiện:

- Đầu tư phát triển hệ thống giao thông mang tính liên kết vùng và liên kết nội tỉnh; Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hoàn thiện hệ thống giao thông nội thị theo quy hoạch được duyệt làm động lực phát triển lan tỏa ra vùng xung quanh đô thị; tăng thu hút để đầu tư và phát triển các phương tiện công cộng như xe buýt, xe đưa đón sinh viên, học sinh và công nhân khu công nghiệp để giảm tải phương tiện cá nhân; xây dựng nhiều tuyến phố đi bộ và nơi dành cho phương tiện xe thô sơ.

- Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung vùng liên huyện đảm bảo phát huy hiệu quả dự án, tiết kiệm quỹ đất.

- Xây dựng hệ thống cấp nước kết nối vùng liên huyện nhằm đa dạng phương án cấp nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định.

- Quy hoạch và phát triển hoa viên nghĩa trang kết hợp với nghĩa trang nhân dân tập trung có quy mô lớn theo hành lang kinh tế của các trục giao thông đầu mối QL.13, QL.14 và ĐT.741.

* Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

đ) Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở

- Nội dung thực hiện: Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh về nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, phân đầu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh bằng hoặc cao hơn diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia (đạt tối thiểu 30m² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32m²).

* Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu Kinh tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

e) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

* Nội dung thực hiện: Tập trung triển khai những nhiệm vụ tại Quyết định 2241/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Xây dựng địa phương thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Trong đó, chú trọng thực hiện:

- Tăng cường đầu tư, xây dựng hạ tầng số, nền tảng số để thực hiện chuyển đổi số; Phát triển hạ tầng mạng bảo đảm khả năng kết nối cho các cơ quan và hệ thống thiết bị IoT; đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng trên địa bàn tỉnh; xây dựng chính quyền số, hướng tới đô thị thông minh; tập trung xây dựng hạ tầng số trên nền tảng dữ liệu và đảm bảo kết nối, an toàn, hiệu quả, không trùng lặp; phát triển Trung tâm điều hành thông minh; thu hút, bồi dưỡng nhân lực chuyển đổi số, các chuyên gia phân tích dữ liệu để khai thác dữ liệu được chia sẻ hiệu quả.

- Tăng cường triển khai giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý hiệu quả các nền tảng xuyên biên giới, nhất là mạng xã hội; đào tạo cơ bản về an toàn thông tin trên diện rộng; bảo vệ các cơ sở hạ tầng quan trọng; có biện pháp quản lý, bảo đảm an toàn thông tin cho các thiết bị IoT; xây dựng kế hoạch ứng phó và khắc phục các sự cố mạng, diễn tập thực chiến hằng năm.

* Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

f) Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh.

* Nội dung thực hiện:

- Tổ chức rà soát quy hoạch và thực tế phát triển của các đô thị trên địa bàn tỉnh để xác định vị trí, mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các đô thị. Thực hiện các dự án nâng cấp và phát triển đô thị tại các đô thị được cảnh báo rủi ro cao bởi tác động của biến đổi khí hậu; các chương trình, dự án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021.

- Triển khai các chương trình xây dựng nhà ở, phòng tránh bão, lũ quét; cải tạo, nạo vét, khơi thông dòng chảy; xây dựng đê, kè, tường chắn lũ, phân dòng lũ, các công trình hồ chứa nước hiện đại và tổ chức vận hành hồ chứa đảm bảo điều tiết,

kiểm soát, hạn chế ngập úng, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, an toàn cho các đô thị; khoanh vùng bảo vệ và có giải pháp tái định cư và di dời dân trong vùng cảnh báo rủi ro, vùng có nguy cơ sạt lở đất.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu; hệ thống cảnh báo lũ sớm; hệ thống quan trắc tại biến địa chất và phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp cấp nước ở các khu đô thị, khu công nghiệp tại các vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khô hạn. Triển khai các phương án thoát nước và áp dụng công nghệ xử lý nước thải có khả năng thích ứng với các điều kiện khí hậu cực đoan có thể xảy ra do tác động của biến đổi khí hậu cho các đô thị.

- Khuyến khích và thúc đẩy việc đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành các dự án đầu tư xây dựng công trình theo tiêu chí, tiêu chuẩn công trình xanh, các dự án khu đô thị theo tiêu chí khu đô thị xanh.

* Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

g) Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa

- Nội dung thực hiện: Phấn đấu đến năm 2025, có 86/86 xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 08 đơn vị hành chính cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

h) Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị

* Nội dung thực hiện:

- Rà soát, sắp xếp các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước, phấn đấu đến năm 2025 đạt 100% các đô thị có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, trong đó có 75% Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn theo quy định.

- Bố trí quỹ đất để xây dựng các không gian văn hóa tại các đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện đi lại, sinh hoạt, giải trí của Nhân dân.

- Khuyến khích xã hội hóa đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao trong các khu đô thị.

* Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

i) Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị

* Nội dung thực hiện:

- Thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo tính

chất và phương thức xử lý để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn theo hướng tối đa hóa giá trị của chất thải.

- Triển khai đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung nhằm đảm bảo xử lý triệt để các chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh.

- Xây dựng lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp; đẩy mạnh áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị hiện đại, thu hồi năng lượng và ít gây ô nhiễm môi trường.

- Tập trung và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư tài chính cho công tác quản lý chất thải rắn từ ngân sách nhà nước; đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế nhằm khuyến khích hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn, cải thiện công nghệ tái chế, thân thiện môi trường trong quản lý chất thải.

- Quy hoạch và xây dựng các điểm thu gom, phân loại rác thải trong đô thị và khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị. Đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị và hệ thống trạm trung chuyển để đẩy mạnh việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

* Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

k) Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí

* Nội dung thực hiện:

- Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 – 2025; các Đề án nghiên cứu ứng dụng nhiên liệu sạch trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục; thiết lập các điểm quan trắc môi trường không khí theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- Hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp; chuyên gia công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu.

- Giải quyết dứt điểm các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải tại khu vực sản xuất tập trung, khu dân cư và nút giao thông đô thị.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào việc giám sát chất lượng không khí xung quanh; huy động sự tham gia của cộng đồng đối với việc giám sát khí

thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng và các nguồn khí thải khác.

* Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

l) Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị

* Nội dung thực hiện:

- Đảm bảo phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp, đồng bộ với quá trình phát triển đô thị. Chú ý phát triển mạng lưới cơ sở y tế theo lộ trình phát triển khu dân cư, đô thị.

- Về y tế cơ sở, tập trung phát triển 03 Trung tâm Y tế đa chức năng gồm Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, Trung tâm Y tế thị xã Phước Long, Trung tâm Y tế thị xã Chơn Thành lên thành Bệnh viện đa khoa hạng II và thành lập Trung tâm Y tế dự phòng Bình Long, Phước Long, Chơn Thành. Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế ngay tại tuyến y tế cơ sở.

- Cùng cố, phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở nhằm đảm bảo ứng phó kịp thời, hiệu quả với mọi tình huống dịch bệnh và thiên tai, thảm họa

* Cơ quan thực hiện: Sở Y tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

m) Xây dựng các trung tâm giáo dục, đào tạo, trường đại học; đến năm 2030 xây dựng 100% cơ sở vật chất, trường lớp đạt chuẩn quốc gia.

* Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

4. Phát triển kinh tế khu vực đô thị; áp dụng cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị

a) Phát triển kinh tế dịch vụ, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao tại các đô thị đóng vai trò trung tâm của các vùng đô thị động lực.

* Cơ quan thực hiện: UBND thị xã, thành phố: Đồng Xoài, Bình Long, Phước Long, Chơn Thành, UBND huyện Đồng Phú và các đơn vị có liên quan.

b) Phát triển các loại hình thương mại hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, trung tâm logistics, các kho hàng hoá, cửa hàng tiện ích và nâng cấp các chợ truyền thống đảm bảo phù hợp quy hoạch ngành, các tiêu chí về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường nhằm kịp thời phục vụ nhu cầu mua sắm kết hợp vui chơi, giải trí cho người dân và khách du lịch. Hình thành các tuyến phố đi bộ, phố kinh tế đêm, phố tài chính, ngân hàng.

* Cơ quan thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

c) Thúc đẩy phát triển các đô thị mới (đô thị loại V) theo lộ trình nâng loại đô thị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt, dựa trên cơ sở các khu dân cư nông thôn hiện có trở thành các trung tâm dịch vụ, sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, chuyển giao công nghệ.

* Cơ quan thực hiện: UBND các huyện Hớn Quản, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Lộc Ninh và các đơn vị có liên quan.

d) Kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư xây dựng mới, mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.

* Cơ quan thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

e) Rà soát, xác định tỷ lệ nguồn thu giữ lại hợp lý hơn đôi với các đô thị đóng vai trò trung tâm của các vùng đô thị động lực để đảm bảo phát huy vai trò của các đô thị động lực trong hệ thống đô thị của tỉnh. Có cơ chế tạo nguồn thu, phân cấp ngân sách để lại cho các đô thị nằm trong danh mục nâng loại đô thị đã được phê duyệt.

* Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan.

5. Xây dựng các nhiệm vụ, đề án chuyên ngành

a) Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị

* Nội dung thực hiện:

- Tập trung nguồn lực phát triển đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển đô thị:

+ Tăng cường công tác điều tra, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, nâng cao chất lượng trong hoạt động dự báo nhu cầu việc làm nhằm xác định danh mục các ngành, nghề xã hội có nhu cầu. Tiếp tục đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp, nhằm khai thác triệt để các tiềm năng và thế mạnh về nguồn nhân lực của tỉnh phục vụ cho mục tiêu phát triển đô thị.

+ Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới, phù hợp với định hướng đô thị hóa. Trong đó đặc biệt chú trọng việc thực hiện các chính sách hỗ trợ dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi đất trong quá trình đô thị hóa.

- Thu hút, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn lao động: Tăng cường thu hút lao động có chất lượng từ ngoài tỉnh đến làm việc và sinh sống trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực, chất lượng đào tạo nguồn lao động đáp ứng nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; nâng cao chất lượng việc làm, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động các nguồn lực cho thu hút, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn lao động.

* Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

b) Rà soát quy hoạch về giao thông bảo đảm thông suốt và liên kết vùng:

- Nội dung thực hiện: Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 được tích hợp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ thời kì 2021-2030, tầm nhìn 2050. Định kỳ rà soát điều chỉnh, đảm bảo thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan.

c) Nghiên cứu mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị:

- Nội dung thực hiện: Triển khai xây dựng mô hình “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”. Năm 2023 xây dựng 01 Công an phường điển hình, năm 2024 triển khai nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh; Đến năm 2025 đạt ít nhất 30% trở lên; Đến năm 2030, 100% Công an phường đạt chuẩn kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về quy hoạch xây dựng:

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, nhất là quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết các đô thị theo hướng đô thị bền vững; quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế, thuận lợi cho phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh; sản phẩm quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, bao trùm tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn.

b) Tổ chức quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ lập quy hoạch và quản lý, bảo vệ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Về kiến trúc và xây dựng:

a) Tăng cường công tác quản lý kiến trúc công trình về cả hình thức kiến trúc, quy mô công trình, vật liệu công trình và mối liên hệ với cảnh quan khu vực thông qua hồ sơ dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế thi công và cấp giấy phép xây dựng công trình. Thực hiện nghiêm công tác thi tuyển để chọn phương án kiến trúc phù hợp quy định.

b) Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt danh mục công trình kiến trúc có giá trị làm cơ sở quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị của công trình kiến trúc; tổ chức lập, hoàn thiện và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến trúc

điểm dân cư nông thôn làm cơ sở cho công tác quản lý kiến trúc và quản lý xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt.

c) Kiến trúc công trình phải đảm bảo tính thống nhất, hài hòa, tôn trọng và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và văn hóa bản địa. Công trình xây dựng phải được thiết kế, sử dụng vật liệu và thực hiện giải pháp xây dựng xanh thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên.

3. Về đất đai: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai và không gian mặt nước hiện hữu cho phát triển đô thị theo quy hoạch. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quản lý đất đai, xây dựng, nhà ở và môi trường; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về quy hoạch, sử dụng đất.

4. Về cơ chế, chính sách:

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, nhất là chính quyền địa phương, chính quyền đô thị và các cơ quan quản lý nhà nước về phát triển đô thị.

b) Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách về ưu đãi đầu tư nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị. Phát huy tối đa các nguồn lực, đặc biệt là ưu tiên nội lực; đẩy nhanh việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phân đầu đạt các chỉ tiêu đề ra hàng năm và cho từng giai đoạn.

5. Về nguồn vốn và thu hút đầu tư:

a) Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng các khu đô thị, khu du lịch, khu thương mại; huy động mạnh mẽ nguồn lực trong Nhân dân, các doanh nghiệp ngoài nhà nước từ các địa phương trong cả nước và vốn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch và các ngành nghề phi nông nghiệp.

b) Cân đối nguồn thu phát sinh trên địa bàn để phát triển hệ thống hạ tầng, tiện ích đô thị và tạo quỹ đất sạch; khai thác nguồn lực từ đất đai để phát triển đô thị. Ngân sách tỉnh sẽ đầu tư vào các công trình mang tính liên kết vùng, liên kết nội tỉnh và những công trình trọng điểm của đô thị; ngân sách cấp huyện sẽ đầu tư các công trình còn lại. Nguồn xã hội hóa tập trung vào các dự án, công trình hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, thương mại, khu đô thị mới, khu dân cư.

6. Về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu:

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chấp hành chính sách pháp luật về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong định hướng quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, nhà ở, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển các đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, rõ ràng, minh bạch các nguồn tài nguyên; đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư vào phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu; rà soát, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi đầu

tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, phát triển công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, đô thị thông minh, đô thị sinh thái, kiến trúc xanh và có giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Từ nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách.

- Lồng ghép từ các chương trình.
- Đóng góp và tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
- Các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện:

a) Lập điều chỉnh chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Phước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Thẩm định chương trình phát triển đô thị của từng đô thị, các đề án nâng loại đô thị trình các cấp thẩm quyền chấp thuận.

c) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí phân loại đô thị. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố lập đề án phân loại đô thị và chuẩn bị hồ sơ để trình các cấp có thẩm quyền quyết định công nhận loại đô thị.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

e) Chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu: tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị, diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trong các giai đoạn trên địa bàn toàn tỉnh.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả.

b) Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển đô thị đảm bảo kết cấu hạ tầng đồng bộ.

c) Rà soát, điều chỉnh (nếu có) các nội dung liên quan đến quy hoạch xây dựng, đô thị, quy hoạch có tính chất kỹ thuật; lập, trình phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế quản lý kiến trúc; báo cáo rà soát và đề nghị điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc lập đề xuất khu vực phát triển đô thị, đề xuất các dự án đầu tư phát triển đô thị.

d) Tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn.

e) Chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu: tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị, diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trong các giai đoạn trên địa bàn quản lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu xây dựng các giải pháp về huy động nguồn lực đầu tư để triển khai thực hiện đầu tư phát triển đô thị.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư vào lĩnh vực phát triển đô thị.

c) Tham mưu cho UBND tỉnh tổng hợp kế hoạch kinh phí đầu tư phát triển hàng năm và các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị.

d) Lồng ghép các nội dung của Kế hoạch được phê duyệt vào quy hoạch tỉnh.

4. Sở Tài chính: Phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí vốn hàng năm cho đầu tư phát triển đô thị nhất là các đô thị nằm trong danh mục nâng loại đô thị đã được phê duyệt.

5. Sở Giao thông vận tải: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh để tiếp tục kiến nghị với Trung ương có kế hoạch và cơ chế thu hút đầu tư triển khai các dự án hạ tầng giao thông cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh (như đường cao tốc, đường sắt, đường liên kết vùng).

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu xây dựng các giải pháp về đất đai, tài nguyên, môi trường để thực hiện đầu tư phát triển đô thị.

b) Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị.

c) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thực hiện cân đối, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất, đáp ứng phù hợp các giai đoạn phát triển đô thị.

7. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế triển khai Đề án phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh; Triển khai thực hiện Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 gắn với Chương trình phát triển đô thị tỉnh.

b) Nghiên cứu đề xuất các chính sách mời gọi nhà đầu tư các dự án cụm công nghiệp, thúc đẩy phát triển các dự án gắn với lộ trình phát triển của các đô thị.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện có hiệu quả Đề án “Trồng một tỷ cây xanh”.

9. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương liên quan lập các đề án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng đô thị (nếu có) và thành lập các phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện.

b) Hướng dẫn các địa phương nâng cấp các đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền đô thị tại các địa phương.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cho từng giai đoạn gắn với lộ trình phát triển các đô thị theo phân loại đô thị.

11. Sở Y tế: Dựa trên chiến lược phát triển ngành và Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, lập kế hoạch cụ thể xây dựng các công trình y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến cơ sở từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế theo phân loại đô thị.

12. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch triển nguồn nhân lực toàn tỉnh và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực một số lĩnh vực phát triển chủ yếu theo lộ trình phát triển đô thị, đảm bảo phát triển nguồn nhân lực phù hợp, cân bằng đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, giảm tối thiểu tỷ lệ thất nghiệp.

b) Tham mưu xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội; sự phù hợp của đô thị đối với các nhóm đối tượng tàn tật, trẻ em để triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị.

13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bình Phước, lập danh mục, kế hoạch triển khai các dự án đầu tư các công trình văn hóa, thể thao gắn với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các dự án khu du lịch để có hướng điều chỉnh phát triển theo các khu vực, có trọng tâm, trọng điểm để gắn kết với Chương trình phát triển đô thị.

c) Lập kế hoạch, danh mục dự án trùng tu, tôn tạo các khu di tích, danh lam thắng cảnh góp phần làm phong phú các loại hình du lịch trên địa bàn tỉnh.

14. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch cụ thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - viễn thông phù hợp với lộ trình phát triển đô thị, đảm bảo xây dựng đô thị thông minh.

b) Phối hợp cơ quan chủ trì xây dựng chính sách phát triển về hạ tầng kỹ thuật ngành thông tin và truyền thông phục vụ chương trình phát triển đô thị.

c) Hướng dẫn các đơn vị chủ đầu tư xây dựng hệ thống ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông ở các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

d) Chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu: Tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ tại đô thị; tỷ lệ phổ cập dịch vụ mạng di động 4G phủ sóng; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử giai đoạn đến năm 2025. Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử; tỷ lệ đô thị được công nhận đạt tiêu chí đô thị thông minh vào năm 2030. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trung tâm của các vùng động lực giai đoạn 2025, giai đoạn 2030.

15. Công an tỉnh: Chủ trì triển khai xây dựng mô hình “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”.

16. Ban Quản lý Khu kinh tế:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch Khu công nghiệp, Khu Kinh tế theo thẩm quyền và chỉ đạo của UBND tỉnh.

b) Phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh xây dựng hạ tầng kết nối vào khu công nghiệp như đường giao thông và hệ thống thoát nước các Khu công nghiệp. Lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng để đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp và Khu kinh tế kết hợp đô thị.

c) Xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, lao động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế làm cơ sở để tính toán bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp.

17. Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh: Tham mưu đề xuất các dự án đầu tư hạ tầng để triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của UBND tỉnh; yêu cầu các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Xây dựng) để có chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, CV: P.KT, TH;
- Lưu: VT_(Tri-XD19).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 278 /KH-UBND ngày 31/ 8 /2023 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cần đạt được		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	42	50	Sở Xây dựng
2	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên	%	1,8-2,0	2,0-2,3	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Số lượng đô thị toàn tỉnh		18	22	Sở Xây dựng
4	Tỷ lệ đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị	%	100	100	UBND thành phố Đồng Xoài
5	Tỷ lệ phù kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị	%	100	100	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình phát triển đô thị	%	100	100	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	22-24	24-26	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị	m ²	6-8	8-10	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m ²	30	32	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến các hộ gia đình tại đô thị	%	80	100	Sở Thông tin và Truyền thông

11	Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử	%	80	95	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trung tâm của các vùng động lực	%	25	35	Sở Thông tin và Truyền thông

Phụ lục 2

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN
VỮNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số 238 /KH-UBND ngày 21 / 8 /2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
I	Về cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa				
1	Phối hợp, góp ý đề xuất với trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững	Sở Xây dựng	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	-
2	Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, nhất là chính quyền địa phương, chính quyền đô thị và các cơ quan quản lý nhà nước về phát triển đô thị	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	-	Thường xuyên	-
3	Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc triển khai đầu tư các dự án phát triển đô thị (Quy hoạch đô thị - Chương trình phát	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng và Các Sở, ban ngành có liên quan	Giai đoạn 2022-2030 (các đô thị năm trong danh	Vốn ngân sách

	triển đô thị - Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị - Đề xuất dự án phát triển đô thị)	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng và Các Sở, ban ngành có liên quan	mục nâng loại đô thị theo Đề án PTĐT được duyệt)	
4	Nghiên cứu, áp dụng cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn để xây dựng và lựa chọn mô hình phát triển đô thị bền vững, phù hợp với đặc trưng riêng của từng địa phương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng và Các Sở, ban ngành có liên quan	2022-2030 (các đô thị nằm trong danh mục nâng loại đô thị theo Đề án PTĐT được duyệt)	-
5	Xây dựng cơ chế chính sách về ưu đãi đầu tư nhằm thu hút các nguồn lực để bảo đảm thực hiện các mục tiêu quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững, nhất là chính sách an sinh nhà ở	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên theo quy định của pháp luật hiện hành	-
II	Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, phát triển đô thị bền vững				
1	Hoàn thành quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	Vốn ngân sách
2	Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng, Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách
3	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu về quy hoạch, phát triển đô thị, tích hợp liên thông với hệ thống dữ liệu toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan;	Thường xuyên	-

4	Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị phù hợp với quy hoạch đô thị được phê duyệt; kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan;	Hàng năm	Vốn ngân sách
III Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng biến đổi khí hậu					
1	Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển đô thị	Sở Xây dựng	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2025	Vốn ngân sách
	Đến năm 2025, hoàn thành việc điều chỉnh chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch tỉnh được duyệt.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách
2	Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị				
	Cây xanh đô thị: Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6-8m ² vào năm 2025, khoảng 8-10m ² vào năm 2030	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Giao thông đô thị: Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 22-				

	24% vào năm 2025 và 24-26% vào năm 2030				
	Thoát nước và xử lý nước thải đô thị: Tối thiểu nước thải sinh hoạt được xử lý tại các đô thị từ loại IV trở lên đạt 25% đến năm 2030				
3	Cải tạo, chỉnh trang các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên (thành phố Đồng Xoài)	UBND thành phố Đồng Xoài	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Hoàn thiện tiêu chuẩn phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng, nhất là về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị				
	Đến năm 2030, cơ bản giảm thiểu tình trạng ngập úng, nâng cao năng lực thông hành chống ách tắc giao thông				
	Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư ven kênh rạch gắn với tái định cư; Hình thành mới các trục không gian cảnh quan kiến trúc đặc thù của đô thị; Bảo tồn tôn tạo khu vực công trình kiến trúc có giá trị; Phát triển các không gian công cộng đô thị				
4	Thí điểm thực hiện các dự án tái thiết đô thị và nghiên cứu đề xuất thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo	UBND thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, Phước Long, Chơn Thành, huyện Đồng Phú	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Thí điểm lựa chọn vị trí, thực hiện dự án tái thiết đô thị tại khu vực trung tâm của các đô thị trung tâm của các vùng động lực, tạo khu vực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị.				

5	Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng	
	Đầu tư phát triển hệ thống giao thông mang tính liên kết vùng và liên kết nội tỉnh; Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hoàn thiện hệ thống giao thông nội thị theo quy hoạch được duyệt làm động lực phát triển lan tỏa ra vùng xung quanh đô thị; tăng thu hút để đầu tư và phát triển các phương tiện công cộng như xe bus, xe đưa đón sinh viên, học sinh và công nhân khu công nghiệp để giảm tải phương tiện cá nhân; xây dựng nhiều tuyến phố đi bộ và nơi dành cho phương tiện xe thô sơ.	Sở Giao thông Vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố
	Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung vùng liên huyện đảm bảo phát huy hiệu quả dự án, tiết kiệm quỹ đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở	
	Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh về nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, phần đầu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh bằng hoặc cao hơn diện tích sàn nhà ở bình	Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu Kinh tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố
	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030
	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030
	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định	
	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định	

	quân đầu người tại khu vực đô thị theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia (đạt tối thiểu 30m ² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32m ²)				
7	Xây dựng, phát triển đô thị thông minh Tập trung triển khai những nhiệm vụ tại Quyết định 2241/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án Xây dựng địa phương thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó chú trọng: - Tăng cường đầu tư, xây dựng hạ tầng số, nền tảng số để thực hiện chuyển đổi số. - Tăng cường triển khai giải pháp đảm bảo An toàn, an ninh thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
9	Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh Thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực Quyết định số 438/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030”.	Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định

10	Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
11	Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
12	Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
Quy hoạch và xây dựng các điểm thu gom, phân loại rác thải trong đô thị và khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị. Triển khai đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung nhằm đảm bảo xử lý triệt để các chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh.					

	Xây dựng lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp; đẩy mạnh áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị hiện đại, thu hồi năng lượng và ít gây ô nhiễm môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
13	Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
14	Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị	Sở Y tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Tập trung phát triển 03 Trung tâm Y tế đa chức năng gồm Trung tâm Y tế thị xã Bình Long, Trung tâm Y tế thị xã Phước Long, Trung tâm Y tế thị xã Chơn Thành lên thành Bệnh viện đa khoa hạng II và thành lập Trung tâm Y tế dự phòng Bình Long, Phước Long, Chơn Thành. Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế ngay tại tuyến y tế cơ sở.	Sở Y tế	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Củng cố, phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở nhằm đảm bảo ứng phó kịp thời, hiệu				

	quả với mọi tình huống dịch bệnh và thiên tai, thảm họa.				quy định
IV Xây dựng các nhiệm vụ, đề án chuyên ngành					
1	Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị				
	Tập trung nguồn lực phát triển đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển đô thị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Thu hút, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
	Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các Sở, ban ngành có liên quan	Sở Nội vụ	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định
2	Rà soát quy hoạch về giao thông bảo đảm thông suốt và liên kết vùng				
	Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông thời kì 2021-2030, tầm nhìn 2050 được tích hợp trong quy hoạch tỉnh thời kì thời kì 2021-2030, tầm nhìn 2050. Định	Sở Giao thông Vận tải; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030	Vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định

	kỳ rà soát điều chỉnh, đảm bảo thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.			
3	Nghiên cứu mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị	Công an tỉnh	Các Sở, ban ngành có liên quan	2023-2030
	Triển khai xây dựng mô hình “Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị”. Năm 2023 xây dựng 01 Công an phường điển hình, năm 2024 triển khai nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh; Đến năm 2025 đạt ít nhất 30% trở lên; Đến năm 2030, 100% Công an phường đạt chuẩn kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị.			Vốn ngân sách và các nguồn huy động khác theo quy định